

Số: /QĐ-UBND Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ của ngành Nông nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 101/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành; 58 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 02 thủ tục hành chính thay thế; 05 thủ tục hành chính bị bãi bỏ của ngành Nông nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*Có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo*).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công quốc gia;
- Lưu: VT, BTCD, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC THAY THẾ; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc ban hành mới TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
	Lĩnh vực: Thủy sản					
01	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Chưa có văn bản quy định	- Điều 21 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
*	Lĩnh vực: Thủy sản					
1	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ để thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu); - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Chưa có văn bản quy định	- Điều 12 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung		- Điều 17 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			nghiệm và cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu); - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.	tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		pháp thi hành Luật Thủy sản. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	1.004915	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra điều kiện của cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận. - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc,	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Thông tư số 112/2021/T-T-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh	- Điều 14 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.		vực quản lý nuôi trồng thủy sản.	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	1.004918	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra điều kiện của cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận. - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Chưa có văn bản quy định	- Điều 10 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
5	1.004359	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	05 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại), kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến	- Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần; - Lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần.	- Điều 28 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Những bộ phận tạo thành còn lại của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		TTHC được quy định tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
6	1.004913	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Chưa có văn bản quy định	- Điều 20 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
7	1.004692	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung	Chưa có văn bản quy định	- Điều 21 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		pháp thi hành Luật Thủy sản. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
8	1.003741	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh kiểm tra thực tế. Trường hợp hồ sơ và điều kiện cơ sở đạt yêu cầu, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá. Trường hợp điều kiện cơ sở không đạt yêu cầu, cơ sở thực hiện khắc phục và gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá: 12.450.000 đồng/lần (Theo quy định tại Thông tư số 94/2021/TT-BTC)	- Điều 42 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			trong thời hạn 05 ngày làm việc. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo khắc phục, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá; - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.			
9	1.004697	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện cơ sở; nếu đạt yêu cầu thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá. Trường hợp cơ sở không đáp ứng đủ điều kiện, cơ sở thực hiện khắc phục và gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Chưa có quy định	- Điều 38 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trong thời hạn 07 ngày làm việc. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo khắc phục, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá điều kiện cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá. - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.			
10	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng	Chưa có quy định	- Điều 43 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		tại Quyết định số 339/QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
*	Lĩnh vực: Tài nguyên nước					
11	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m ³ /ngày đêm	30 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
12	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô	24 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính	Theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		dưới 5.000 m ³ /ngày đêm		công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	tỉnh Tuyên Quang	- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
13	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m ³ /ngày đêm	30 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
14	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	24 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
15	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung	30 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)		- Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
16	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	24 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
17	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy	11 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục	Theo Nghị quyết của Hội đồng	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		phép khai thác tài nguyên nước		vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	nhân dân tỉnh Tuyên Quang	16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
18	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	11 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không quy định	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				(dichvucong.gov.vn).		ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
19	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	11 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
20	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	13 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				- Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
21	2.001738	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	07 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
22	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	06 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
23	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	06 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công	Không quy định	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				quốc gia (dichvucong.gov.vn).		TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
24	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	- 30 ngày làm việc (trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước). - 24 ngày làm việc (trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước).	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
25	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	- 24 ngày làm việc (trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP được sửa đổi,	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung	Không quy định	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			bổ sung bởi khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP). - 11 ngày làm việc (trường hợp theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).	tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
26	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	12 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
27	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	12 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
28	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	29 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				- Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
29	1.013799	Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước	26 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
*	Lĩnh vực: Chăn nuôi					

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
30	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ, tổ chức đánh giá thực tế: Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế đối với trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện; trường hợp không cấp thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	không	- Điều 13 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
31	1.011032	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính	không	- Điều 13 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
32	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	- Thẩm định đề cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang	- Điều 10 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
					trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần (Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	
33	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	- Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang	- Điều 10 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.		trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. (Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	
34	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung: - Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Điều 4 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			- Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đạt yêu cầu. - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế. b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: - Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản		- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. (Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đạt yêu cầu.		31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	
35	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	- Thẩm định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 250.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. (Thông tư số	- Điều 4 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
					24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	
36	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: + Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	350.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần. (Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	- Điều 6 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
37	1.008124	Kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung	không	- Điều 7 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
38	1.008125	Giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	không	- Điều 7 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
39	3.000127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và công bố thông tin sản phẩm trên	Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia	không	- Điều 3 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	(dichvucong.gov.vn).		21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
40	3.000128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	không	- Điều 3 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
41	3.000129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và công bố lại thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ	Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia	không	- Điều 3 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			Nông nghiệp và Môi trường: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	(dichvucong.gov.vn).		- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
42	3.00013	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và công bố thay đổi thông tin sản phẩm trên Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	không	- Điều 3 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
*	Lĩnh vực: Thú y					
43	1.004756	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung	+ 50.000 đồng/lần (theo quy định tại Thông tư số	- Điều 30 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	101/2020/T T-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính) + 25.000 đồng/lần (áp dụng từ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính)	- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
44	2.001064	Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung	+ 50.000 đồng/CCH N (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/T	- Điều 30 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	T-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính) + 25.000 đồng/CCH N (áp dụng từ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính)	- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
45	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung	+ 50.000 đồng/CCH N (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/T	- Điều 30 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	T-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính) + 25.000 đồng/CCHN (áp dụng từ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính)	TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
46	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung	Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản:	- Điều 22 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt	TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
					động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	
47	1.014777	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: - Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên:	- Điều 22 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
					1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	
48	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung	không	- Điều 22 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký		tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
49	1.013809	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: - Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân	- Điều 22 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
					xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	
50	1.013813	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung	Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y,	- Điều 22 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)		tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	thuốc thú y thủy sản: - Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên:	- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
					1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	
51	1.013811	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	không	- Điều 22 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
52	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần.	- Điều 26 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
53	1.014778	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia	Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần.	- Điều 26 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				(dichvucong.gov.vn).		
54	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	không	- Điều 26 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
55	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 (tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/lần	- Điều 24 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				quốc gia (dichvucong.gov.vn).		Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
56	1.014779	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 (tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc sản: 230.000/lần	- Điều 24 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
57	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Đ	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng	không	- Điều 24 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
*	Lĩnh vực: Tài nguyên nước					
58	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	07 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

C. Danh mục thủ tục hành chính thay thế

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được thay thế (tên cũ)	Tên TTHC thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc thay thế TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ							
Lĩnh vực: Tài nguyên nước							
01	1.01250 2	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch (Mã TTHC 2.002835)	07 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
	1.01151 6	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển					

02	1.01250 5	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền (Mã TTHC 1.014716)	11 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
	1.00966 9	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành					

C. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
	Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
	Lĩnh vực: Thủy sản		
1	1.004678	Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)	Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường
2	1.004669	Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường
3	1.004684	Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường
4	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Khoản 19 Điều 1 Nghị định số <u>17/2018/NĐ-CP</u> ngày 02/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản
5	1.003726	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)	Điều 42 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. Lí do: Gộp chung vào TTHC cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)